

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong các cuộc thi quốc gia, khu vực và thế giới thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, thể dục - thể thao; giải thưởng về khoa học và công nghệ, văn học - nghệ thuật, báo chí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Xét Tờ trình số 92/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chính sách khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt thành tích cao trong các cuộc thi quốc gia, khu vực và thế giới thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, thể dục - thể thao; giải thưởng về khoa học và công nghệ, văn học - nghệ thuật, báo chí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 277/BC-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chính sách khen thưởng đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo

1. Đối với học sinh, sinh viên đang học ở các trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường Cao đẳng, Đại học của tỉnh đạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc, Huy chương Đồng hoặc Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích trong các kỳ thi Olympic quốc tế, Olympic khu vực (Đông Nam Á, Châu Á, Châu Á - Thái Bình Dương), Olympic quốc gia; học sinh giỏi quốc gia các môn thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kỹ năng nghề quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Mức thưởng:

+ Kỳ thi Olympic quốc tế - Kỹ năng nghề quốc tế:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Huy chương Vàng	100.000.000
3	Huy chương Bạc	60.000.000
4	Huy chương Đồng	40.000.000
5	Giải khuyến khích	20.000.000

+ Kỳ thi Olympic khu vực - Kỹ năng nghề khu vực:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Huy chương Vàng hoặc giải Nhất	50.000.000
2	Huy chương Bạc hoặc giải Nhì	30.000.000
3	Huy chương Đồng hoặc giải Ba	20.000.000
4	Giải khuyến khích	10.000.000

+ Kỳ thi Học sinh giỏi quốc gia, Olympic quốc gia, Kỹ năng nghề quốc gia:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Huy chương Vàng hoặc giải Nhất	12.000.000
2	Huy chương Bạc hoặc giải Nhì	7.000.000
3	Huy chương Đồng hoặc giải Ba	5.000.000
4	Giải khuyến khích	2.500.000

2. Đối với học sinh Trung học phổ thông và bổ túc Trung học phổ thông của tỉnh đạt thủ khoa Đại học hàng năm, có tổng điểm 3 môn đạt từ 27 điểm trở lên (không tính điểm hệ số, điểm ưu tiên).

- Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Mức thưởng:

+ Trường hợp Thủ khoa đạt tổng số điểm ba môn thi đạt từ 27 điểm đến dưới 30 điểm, mức thưởng 5.000.000 đồng/em (năm triệu đồng).

+ Trường hợp Thủ khoa đạt tổng số điểm tuyệt đối ba môn thi (30/30), mức thưởng 10.000.000 đồng/em (mười triệu đồng).

3. Đối với giáo viên, giảng viên trực tiếp giảng dạy học sinh, sinh viên đạt các giải quy định tại khoản 1 Điều này.

- Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Mức thưởng:

+ Trường hợp có 01 học sinh đạt giải thì được hưởng mức thưởng như đối với học sinh.

+ Trường hợp có nhiều học sinh đạt giải thì được hưởng mức thưởng bằng mức thưởng 01 giải cao nhất của học sinh, cộng với 50% tiền thưởng các giải của học sinh còn lại.

4. Học sinh, giáo viên thuộc đối tượng được thưởng quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016, Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết này thì chỉ nhận một mức tiền thưởng cao nhất.

Điều 2. Chính sách khen thưởng đối với lĩnh vực thể dục - thể thao

1. Vận động viên của tỉnh đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc Nhất, Nhì, Ba tại Đại hội thể thao thế giới (Olympic), Đại hội thể thao châu Á (Asiad), Đại hội thể thao Đông Nam Á (Sea Games), Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc; các giải vô địch thế giới, châu Á, Đông Nam Á, toàn quốc theo từng môn.

a) Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Mức thưởng:

- Đại hội thể thao thế giới (Olympic):

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Huy chương Vàng hoặc giải Nhất	100.000.000
2	Huy chương Bạc hoặc giải Nhì	60.000.000
3	Huy chương Đồng hoặc giải Ba	40.000.000

- Giải vô địch thế giới từng môn:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Huy chương Vàng hoặc giải Nhất	60.000.000
2	Huy chương Bạc hoặc giải Nhì	40.000.000
3	Huy chương Đồng hoặc giải Ba	25.000.000

- Đại hội thể thao châu Á (Asiad), Giải thể thao châu Á từng môn:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Huy chương Vàng hoặc giải Nhất	40.000.000
2	Huy chương Bạc hoặc giải Nhì	25.000.000
3	Huy chương Đồng hoặc giải Ba	15.000.000

- Đại hội thể thao Đông Nam Á (Sea Games), Giải thể thao Đông Nam Á từng môn:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Huy chương Vàng hoặc giải Nhất	30.000.000

2	Huy chương Bạc hoặc giải Nhì	20.000.000
3	Huy chương Đồng hoặc giải Ba	10.000.000

- Đại hội TDTT toàn quốc, giải Vô địch toàn quốc từng môn:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Huy chương Vàng hoặc giải Nhất	12.000.000
2	Huy chương Bạc hoặc giải Nhì	7.000.000
3	Huy chương Đồng hoặc giải Ba	5.000.000

- Vận động viên của tỉnh thuộc đối tượng được thưởng quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết này thì chỉ nhận một mức tiền thưởng cao nhất.

2. Vận động viên người khuyết tật của tỉnh đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc Nhất, Nhì, Ba tại Đại hội thể thao Para Games thế giới, Châu Á, Đông Nam Á, toàn quốc.

a) Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Mức thưởng: 100% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên của tỉnh đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc Nhất, Nhì, Ba tại Đại hội thể thao thế giới (Olympic), Đại hội thể thao châu Á (Asiad), Đại hội thể thao Đông Nam Á (Sea Games), Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc; các giải vô địch thế giới, châu Á, Đông Nam Á, toàn quốc theo từng môn.

a) Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Mức thưởng:

- Trường hợp có 01 vận động viên lập thành tích thì được hưởng mức thưởng như đối với vận động viên.

- Trường hợp có nhiều vận động viên lập thành tích, mức thưởng bằng mức thưởng 01 giải cao nhất của vận động viên, cộng với 50% tổng số tiền thưởng các giải của vận động viên còn lại.

4. Các môn thể thao thi đấu mà một đội có từ 2 vận động viên trở lên theo Điều lệ cuộc thi tính chung cho môn thi đấu (trừ môn bóng đá và bóng chày), đội của tỉnh đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc Nhất, Nhì, Ba tại Đại hội thể thao thế giới (Olympic), Đại hội thể thao châu Á (Asiad), Đại hội thể thao Đông Nam Á (Sea Games), Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc; các giải vô địch thế giới, châu Á, Đông Nam Á, toàn quốc theo từng môn được thưởng như sau:

- Đối với môn thể thao tập thể, mức thưởng bằng số lượng người tham gia nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

- Đối với các môn có nội dung thi đấu đồng đội (mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi) số lượng vận động viên, huấn luyện viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của Điều lệ giải. Mức thưởng bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

5. Môn bóng đá

a) Đối với các đội bóng đá của tỉnh đạt thành tích Vô địch, Nhì, Ba tại các Giải U17-U21, Giải đội hạng nhì, Giải đội hạng nhất, Giải cúp quốc gia, Giải chuyên nghiệp.

- Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Mức thưởng:

+ Giải U17-U21:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Vô địch	75.000.000
2	Nhì	45.000.000
3	Ba	30.000.000

+ Giải đội hạng nhì:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Vô địch	150.000.000
2	Nhì	100.000.000
3	Ba	75.000.000

+ Giải đội hạng nhất:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Vô địch	450.000.000
2	Nhì	300.000.000
3	Ba	150.000.000

+ Giải Cúp quốc gia:

Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
Vô địch, nhì, ba	50% mức thưởng của Ban tổ chức Giải.

+ Giải chuyên nghiệp:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Vô địch	1.000.000.000
2	Nhì	700.000.000
3	Ba	500.000.000

b) Huấn luyện viên trưởng đội bóng đá đạt thành tích được quy định tại khoản 5 Điều này được hưởng mức thưởng bằng 5% mức thưởng của toàn đội tại điểm a khoản 5 Điều này.

c) Huấn luyện viên phó đội bóng đá đạt thành tích được quy định tại khoản 5 Điều này được hưởng mức thưởng bằng 3% mức thưởng của toàn đội tại điểm a khoản 5 Điều này.

d) Cầu thủ thuộc đội bóng đá của tỉnh tham gia Giải U17-U21, Giải đội hạng nhất, Giải đội hạng nhì, Giải cúp quốc gia, Giải chuyên nghiệp đạt thành tích cầu thủ xuất sắc thì được thưởng cụ thể như sau:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Xuất sắc nhất đội (khi đội đạt giải).	22.000.000
2	Xuất sắc mùa bóng do Ban tổ chức bình chọn	30.000.000
3	Vua phá lưới Giải chuyên nghiệp.	30.000.000
4	Quả bóng Vàng, Bạc, Đồng do Ban tổ chức giải bình chọn.	50% mức thưởng của Ban tổ chức Giải.
5	Cầu thủ đạt xuất sắc nhất giải và xuất sắc nhất đội.	Được thưởng ở mức cao nhất.

e) Đội bóng đá của tỉnh tham gia thi đấu tại Giải hạng nhất, Cúp quốc gia, Giải chuyên nghiệp thì được thưởng cho từng trận thắng cụ thể như sau:

TT	Trận thắng	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Giải hạng nhất	50.000.000
2	Giải Cúp quốc gia	100.000.000
3	Giải chuyên nghiệp	200.000.000

6. Môn Bóng chuyên

a) Đối với Đội bóng chuyên của tỉnh đạt thành tích Vô địch, Nhì, Ba khi tham gia Giải vô địch quốc gia, Giải hạng nhất quốc gia.

- Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Mức thưởng:

+ Giải vô địch quốc gia (các đội mạnh):

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Vô địch	450.000.000
2	Nhì	300.000.000
3	Ba	150.000.000

- Đối với Giải hạng nhất quốc gia:

Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
Vô địch	300.000.000

b) Đối với Huấn luyện viên trưởng đội bóng chuyên của tỉnh đạt thành tích theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này được hưởng mức thưởng bằng 5% mức thưởng toàn đội được quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

c) Đối với Huấn luyện viên phó đội bóng chuyên của tỉnh đạt thành tích theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này được hưởng mức thưởng bằng 3% mức thưởng của toàn đội được quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

d) Đối với cầu thủ thuộc đội bóng chuyên tham gia Giải vô địch quốc gia, Giải hạng nhất toàn quốc của tỉnh đạt thành tích cầu thủ xuất sắc nhất đội thì được thưởng bằng 2% mức thưởng của toàn đội quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

e) Đối với đội bóng chuyên của tỉnh tham gia thi đấu tại Giải vô địch quốc gia thì được thưởng cho từng trận thắng là 40.000.000 đồng/trận.

Điều 3. Chính sách khen thưởng đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ, kỹ thuật

1. Tác giả, đồng tác giả đang sinh sống và làm việc trong tỉnh:

- Đạt giải thưởng Hồ Chí Minh; giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ;

- Đạt giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam; giải thưởng WIPO.

- Đạt giải Vàng, Bạc, Đồng hoặc Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích trong hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc; đạt giải trong cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng toàn quốc.

2. Mức thưởng: Bằng 50% mức tiền thưởng của các giải thưởng đã đạt.

Điều 4. Chính sách khen thưởng đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật

1. Tập thể, cá nhân đang sinh sống và làm việc trong tỉnh là tác giả, đồng tác giả đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng nhà nước về văn học nghệ thuật; đạt giải Vàng, Bạc, Đồng, hoặc Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích trong các cuộc thi toàn quốc, khu vực và quốc tế.

Mức thưởng: Bằng 50% mức tiền thưởng của các giải thưởng đã đạt.

2. Giải văn học, nghệ thuật hằng năm.

a) Tác giả hoặc nhóm tác giả là Hội viên Hội Văn học và nghệ thuật Thanh Hóa đạt giải A, B, C và Khuyến khích.

- Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các giải A, B, C.

- Mức thưởng:

TT	Đạt giải	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Giải A	10.000.000
2	Giải B	6.000.000
3	Giải C	4.000.000
4	Giải Khuyến khích	2.000.000

b) Cá nhân trong và ngoài tỉnh có tác phẩm văn học, nghệ thuật sáng tác về quê hương và con người Thanh Hóa đạt giải A, B, C và Khuyến khích tại Giải văn học nghệ thuật hằng năm thì hình thức khen và mức thưởng như quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Giải văn học, nghệ thuật Lê Thánh Tông (5 năm xét một lần), thời gian xét thưởng lần đầu vào năm 2021.

a) Tác giả, nhóm tác giả là Hội viên Hội Văn học và nghệ thuật Thanh Hóa có tác phẩm đạt Giải văn học, nghệ thuật Lê Thánh Tông xét trong 5 năm.

- Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho giải đặc biệt và các giải A, B, C.

- Mức thưởng:

TT	Đạt giải	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Giải đặc biệt	100.000.000
2	Giải A	60.000.000
3	Giải B	40.000.000
4	Giải C	20.000.000
5	Giải Khuyến khích	10.000.000

b) Cá nhân trong và ngoài tỉnh có tác phẩm văn học, nghệ thuật sáng tác về quê hương và con người Thanh Hóa đạt Giải văn học, nghệ thuật Lê Thánh Tông xét trong 5 năm thì hình thức khen và mức thưởng như quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 5. Chính sách khen thưởng đối với lĩnh vực Báo chí

1. Giải Báo chí quốc gia

a) Đối tượng: Tập thể, cá nhân đang sinh sống và làm việc trong tỉnh có tác phẩm đạt Giải báo chí quốc gia.

b) Mức thưởng: bằng 50% mức tiền thưởng của giải thưởng đã đạt.

2. Giải báo chí Trần Mai Ninh (hằng năm)

a) Tác giả hoặc nhóm tác giả là Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam của tỉnh Thanh Hóa tham gia Giải báo chí Trần Mai Ninh đạt các giải A, B, C và Khuyến khích.

- Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các giải A, B, C.

- Mức thưởng:

TT	Đạt giải	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Giải A	10.000.000
2	Giải B	6.000.000
3	Giải C	4.000.000
4	Giải Khuyến khích	2.000.000

b) Cộng tác viên trong và ngoài tỉnh có tác phẩm báo chí viết về quê hương và con người Thanh Hóa tham gia Giải báo chí Trần Mai Ninh đạt các giải A, B, C và Khuyến khích thì hình thức khen và mức thưởng như quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 6. Chính sách khen thưởng đối với lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật

1. Các đoàn Nghệ thuật của tỉnh (Chèo, Tuồng, Kịch nói, Cải lương, Đoàn ca múa nhạc) có vở diễn, chương trình đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc được xếp loại Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích trong các cuộc thi toàn quốc, khu vực và thế giới.

a) Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Mức thưởng: 50% mức thưởng của các giải thưởng đã đạt.

2. Nghệ sỹ, diễn viên của tỉnh đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích tại cuộc thi âm nhạc, hội diễn sân khấu, liên hoan văn nghệ toàn quốc, khu vực và thế giới.

a) Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Mức thưởng:

- Giải thế giới:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Huy chương Vàng hoặc giải Nhất	60.000.000
2	Huy chương Bạc hoặc giải Nhì	40.000.000
3	Huy chương Đồng hoặc giải Ba	25.000.000
4	Giải Khuyến khích	10.000.000

- Giải khu vực:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Huy chương Vàng hoặc giải Nhất	40.000.000
2	Huy chương Bạc hoặc giải Nhì	25.000.000
3	Huy chương Đồng hoặc giải Ba	15.000.000
4	Giải Khuyến khích	10.000.000

- Giải toàn quốc:

TT	Đạt thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Huy chương Vàng hoặc giải Nhất	12.000.000
2	Huy chương Bạc hoặc giải Nhì	7.000.000
3	Huy chương Đồng hoặc giải Ba	5.000.000
4	Giải Khuyến khích	2.500.000

3. Đạo diễn các vở diễn Chèo, Tuồng, Kịch nói, Cải lương, Đoàn ca múa nhạc đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc được xếp loại Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích hoặc tương đương trong các cuộc thi toàn quốc, khu vực và thế giới.

- Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Mức thưởng: Bằng giải cá nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Tác giả kịch bản, nhạc sỹ, biên đạo múa, nhạc công, thiết kế ánh sáng, thiết kế âm thanh, họa sỹ thiết kế, phục vụ cho các vở diễn (đối với Đoàn Nghệ thuật), chương trình ca múa nhạc (Đối với Đoàn ca múa nhạc) đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc được xếp loại Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích trong các cuộc thi âm nhạc, hội diễn sân khấu, liên hoan văn nghệ toàn quốc, khu vực và thế giới.

Mức thưởng: Bằng 50% mức thưởng cá nhân Quy định tại điểm b khoản 2 Điều này nhân với số người tham gia.

5. Các tiết mục song ca, tam ca, đồng ca đạt giải Huy chương Vàng, Bạc, Đồng, Khuyến khích hoặc tương đương tại các cuộc thi toàn quốc, khu vực và thế giới thì được thưởng gấp đôi mức thưởng giải cá nhân được quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

6. Tiết mục hợp xướng đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích tại các cuộc thi toàn quốc, khu vực và thế giới mức thưởng bằng 5 lần mức thưởng cá nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

7. Tác giả, đạo diễn, nhạc sỹ, nghệ sỹ, họa sỹ thuộc đối tượng được thưởng quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 02/7/2016 và Nghị quyết này thì chỉ nhận một mức tiền thưởng cao nhất.

Điều 7. Chính sách khen thưởng đối với Đội tuyển trẻ, Đội năng khiếu của tỉnh

1. Đối tượng:

- Tập thể, cá nhân Đội tuyển trẻ của tỉnh thuộc các lĩnh vực thể dục - thể thao, khoa học và công nghệ, kỹ thuật, biểu diễn nghệ thuật đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích trong tại cuộc thi quốc tế, khu vực, quốc gia và cúp quốc gia.

- Tập thể, cá nhân Đội năng khiếu của tỉnh thuộc các lĩnh vực thể dục - thể thao đạt thành tích Huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích tại cuộc thi quốc tế, khu vực, quốc gia và cúp quốc gia.

2. Hình thức: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Mức thưởng: 50% mức thưởng của các giải thưởng tại các Điều 2, 3 và 6 của Nghị quyết này.

Điều 8. Kinh phí thực hiện các chính sách từ nguồn thi đua khen thưởng của tỉnh hằng năm. Trường hợp đối tượng có thành tích đặc biệt xuất sắc thì hình thức khen và mức thưởng do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 9. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện.

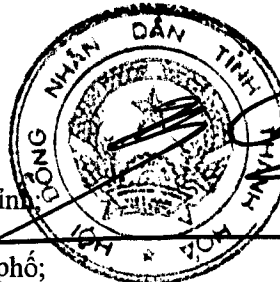
Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2019, các văn bản trước đây trái với Nghị quyết này đều bị bãi bỏ.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến